TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ KONTUM** **TỈNH KON TUM**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 26/2020/DS - ST
Ngày 21/10/2020
V/v tranh chấp: "Hợp đồng vay tài sản và chậm thực hiện nghĩa vụ trả tiền"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ KON TUM, TỈNH KON TUM

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Bà Nguyễn Thị Hường.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Trương Duy Cảnh và bà Chế Thị Mai.

***Thư ký phiên toà*:** Bà Phạm Thị Thúy An - Thư ký Toà án nhân dân thành phố KonTum.

Đại diện Viện kiểm sát thành phố Kon Tum tham gia phiên toà: Ông Trần Bá Tài - Kiểm sát viên.

Ngày 21/10/2020, tại trụ sở Toà án nhân dân thành phố Kon Tum, tỉnh Kon Tum xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 100/2020/TLST-DS ngày 03 tháng 06 năm 2020, về việc *"Tranh chấp hợp đồng vay tài sản"*, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 37/2020/QĐXXST-DS ngày 10/9/2020, giữa các đương sự:

1.*Nguyên đơn*: Chị Nguyễn Thị Nh (tên gọi khác: Ph), sinh năm 1975.

Địa chỉ: Thôn 03, xã D, huyện Đ, tỉnh Kon Tum. Có mặt.

2. *Bị đơn*: Anh Trần Thiên Ngh, sinh năm 1988 và chị Nguyễn Thị H, sinh năm 1985.

Địa chỉ: Cùng trú tại: Thôn T, xã I, thành phố K, tỉnh Kon Tum. Vắng mặt.

3. *Người làm chứng:* Anh A X (tên gọi khác: A S), sinh năm 1981.

Địa chỉ: Thôn K, xã H, huyện S, tỉnh Kon Tum. Có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện ngày 22/5/2020, các bản tự khai và tại phiên tòa nguyên đơn chị Nguyễn Thị Nh trình bày:

Vợ chồng anh Trần Thiên Ngh và chị Nguyễn Thị H là người cạo mủ cao su thuê cho chị Nguyễn Thị Nh. Vào khoảng tháng 11/2018, chị Nguyễn Thị Nh có cho vợ chồng anh Trần Thiên Ngh và chị Nguyễn Thị H vay số tiền 15.000.000 đồng và có viết giấy nợ. Đến ngày 28/01/2019, vợ chồng anh A X và chị Y H là chỗ quen biết có đến hỏi mượn chị số tiền 35.000.000 đồng. Khi vợ chồng anh A X đến mượn tiền, thì vợ chồng chị H và anh Ngh nói vợ chồng anh A X đứng ra nhận số tiền 15.000.000 đồng cho vợ chồng chị H và anh Ngh. Vợ chồng anh A X và chị Y H đồng ý và đã viết giấy với nội dung vay chị Nh số tiền 50.000.000 đồng đồng thời thế chấp cho chị Nh 01 Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Đến ngày 27/02/2019, vợ chồng anh A X đến chỗ chị Nh mượn lại Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất để thế chấp Ngân hàng vay tiền trả chị Nh. Ngày 15/5/2019, vợ chồng chị H và anh Ngh mang số tiền 35.000.000 đồng đến trả số tiền vợ chồng anh A Xn và chị Y H nợ chị Nh, còn số tiền 15.000.000 đồng vợ chồng chị H và anh Ngh ký nhận nợ với chị Nh. Ngày 21/5/2019, vợ chồng chị H và anh Ngh có ký nhận nợ tiền cạo mủ cao su với chị Nh số tiền 30.000.000 đồng. Tổng cộng vợ chồng chị H và anh Ngh nợ chị Nh số tiền 45.000.000 đồng *(Bốn mươi lăm triệu đồng).* Chị Nguyễn Thị Nh yêu cầu vợ chồng chị Nguyễn Thị H và anh Trần Thiên Ngh phải trả cho chị số tiền nợ là 45.000.000 đồng và lãi suất theo quy định của pháp luật tính từ ngày 21/5/2019 cho đến khi giải quyết xong vụ án.

Bị đơn anh Trần Thiên Ngh và chị Nguyễn Thị H đã được Toà án tống đạt hợp lệ văn bản tố tụng của Toà án: Thông báo thụ lý vụ án; Giấy triệu tập; các thông báo phiên họp kiểm tra việc giao nộp tiếp cận công khai chứng cứ và hoà giải, Giấy triệu tập tham gia phiên toà nhưng anh Trần Thiên Ngh và chị Nguyễn Thị H không có ý kiến trả lời đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn và vắng mặt không lý do tại các phiên họp kiểm tra việc giao nộp tiếp cận công khai chứng cứ và hoà giải và tại phiên toà xét xử sơ thẩm.

Tại phiên toà đại diện Viện kiểm sát thành phố Kon Tum phát biểu ý kiến: Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên toà và nguyên đơn trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi Toà án thụ lý vụ án đến trước khi Hội đồng xét xử vào phòng nghị án thực hiện đúng theo quy định của pháp luật. Đối với bị đơn không có mặt theo Giấy triệu tập của Toà án đã từ bỏ quyền và nghĩa vụ của mình.

Về nội dung vụ án: Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và lời trình bày của đương sự tham gia tố tụng tại phiên tòa, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc bị đơn phải trả số tiền nợ gốc là 45.000.000 đồng *(Bốn mươi lăm triệu đồng)* và tiền lãi theo quy định của pháp luật. Bị đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà, căn cứ vào kết quả tranh tụng công khai tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về thủ tục tố tụng: Chị Nguyễn Thị Nh có đơn khởi kiện yêu cầu Toà án nhân dân thành phố Kon Tum, tỉnh Kon Tum giải quyết buộc vợ chồng chị Nguyễn Thị H và anh Trần Thiên Ngh có nơi cư trú tại thôn T, xã I, thành phố K, tỉnh Kon Tum trả số tiền vay 15.000.000 đồng và tiền nợ cạo mủ cao su là 30.000.000 đồng, tổng cộng là 45.000.000 đồng *(Bốn mươi lăm triệu đồng)* và tiền lãi theo quy định của pháp luật. Do vậy, quan hệ pháp luật của vụ án được xác định là "Tranh chấp Hợp đồng vay tài sản và chậm thực hiện nghĩa vụ trả tiền" và thuộc thẩm quyền giải quyết của Toà án nhân dân thành phố Kon Tum, tỉnh Kon Tum theo quy định tại khoản 3 Điều 26, khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Anh Trần Thiên Ngh và chị Nguyễn Thị H đã được Toà án tống đạt hợp lệ Thông báo thụ lý vụ án; Thông báo về kiểm tra việc giao nộp tiếp cận công khai chứng cứ và hoà giải (lần 1, lần 2); Quyết định đưa vụ án ra xét xử; Quyết định hoãn phiên toà và các giấy triệu tập nhưng anh Ngh và chị H vẫn vắng mặt không vì sự kiện bất khả kháng hoặc do trở ngại khách quan. Căn cứ vào điểm b khoản 1 Điều 227, khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, Toà án xét xử vắng mặt anh Trần Thiên Ngh và chị Nguyễn Thị H.

[2]. Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, Hội đồng xét xử xét thấy: Vào ngày 28/01/2019, chị Nguyễn Thị Nh có cho vợ chồng anh A X và chị Y H vay số tiền 35.000.000 đồng. Khi vợ chồng anh A X và chị Y H viết giấy vay tiền thì vợ chồng chị Nguyễn Thị H và anh Trần Thiên Ngh có nhờ vợ chồng anh A X đứng ra nhận số tiền 15.000.000 đồng mà vợ chồng chị H và anh Ngh đã vay của chị Nh trước đó. Vợ chồng anh A X và chị Y H đồng ý và đã viết giấy vay tiền tổng cộng là 50.000.000 đồng, thế chấp 01 Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho chị Nh. Đến ngày 27/02/2019 vợ chồng anh A X đến mượn lại chị Nh Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất để đi thế chấp Ngân hàng vay tiền trả chị Nh. Ngày 15/5/2019, vợ chồng chị H và anh Ngh trả cho chị Nh số tiền 35.000.000 đồng của vợ chồng anh A X và chị Y H nợ chị Nh, còn số tiền 15.000.000 đồng vợ chồng chị H và anh Ngh ký giấy nhận nợ lại. Ngày 21/5/2019, vợ chồng chị H và anh Ngh có ký nhận nợ tiền cạo mủ cao su với chị Nh số tiền 30.000.000 đồng. Tổng cộng vợ chồng chị H và anh Ngh nợ là 45.000.000 đồng *(Bốn mươi lăm triệu đồng)*. Chứng cứ chị Nguyễn Thị Nh cung cấp cho Tòa án là bản gốc giấy nhận nợ ngày 15/5/2019, vợ chồng chị H và anh Ngh ký nhận nợ số tiền 15.000.000 đồng; Giấy mượn tiền ngày 21/5/2019, vợ chồng chị H và anh Ngh ký nhận nợ số tiền 30.000.000 đồng.

Người làm chứng anh A X thừa nhận lời trình bày của chị Nguyễn Thị Nh là đúng sự thật: Vợ chồng anh có vay của chị Nguyễn Thị Nh (tên gọi khác: Ph) số tiền 35.000.000 đồng vào ngày 28/01/2019. Đến ngày 15/5/2019 vợ chồng anh có nhờ vợ chồng chị Nguyễn Thị H và anh Trần Thiên Ngh trả hộ cho vợ chồng anh số tiền nợ chị Nh số tiền 35.000.000 đồng. Anh A X khẳng định giấy nhận nợ ngày 15/5/2019, vợ chồng chị H và anh Ngh ký nhận nợ số tiền 15.000.000 đồng và Giấy mượn tiền ngày 21/5/2019, vợ chồng chị H và anh Ngh ký nhận số tiền 30.000.000 đồng là đúng chữ kỹ của chị Nguyễn Thị H và anh Trần Thiên Ngh.

Tòa án đã xác minh đại diện chính quyền địa phương và gia đình chị Nguyễn Thị H và anh Trần Thiên Ngh cung cấp vợ chồng chị Nguyễn Thị H và anh Trần Thiên Ngh có nhà, đất và hộ khẩu thường trú tại thôn T, xã I, thành phố K, tỉnh Kon Tum. Anh Trần Thiên Ngh thỉnh thoảng có điện thoại về cho gia đình, nhưng không nói cho gia đình biết địa chỉ sinh sống ở đâu. Công an xã Pô Kô, huyện Đăk Tô, tỉnh kon Tum cung cấp vợ chồng chị Nguyễn Thị H và anh Trần Thiên Ngh có đăng ký tạm trú tại xã Pô Kô, huyện Đăk Tô, tỉnh Kon Tum vào ngày 17/01/2019. Trong thời gian tạm trú tại xã Pô Kô, chị Nguyễn Thị H và anh Trần Thiên Ngh có cạo mủ cao su cho vợ chồng chị Nguyễn Thị Nh. Đến nay, chị Nguyễn Thị H và anh Trần Thiên Ngh đã đi đâu, làm gì, chính quyền địa phương không biết. Theo quy định tại khoản 2 Điều 11 của Luật cư trú: Công dân có trách nhiệm cung cấp đầy đủ, chính xác thông tin, tài liệu về nơi cư trú của mình cho cơ quan, người có thẩm quyền, chị Nguyễn Thị H và anh Trần Thiên Ngh đi khỏi địa phương không báo cho Chính quyền địa phương nơi cư trú của mình là cố tình giấu địa chỉ, trốn tránh nghĩa vụ trả nợ đối với chị Nguyễn Thị Nh. Do đó, Tòa án giải quyết vắng mặt chị Nguyễn Thị H và anh Trần Thiên Ngh là hoàn toàn có căn cứ pháp luật.

Từ những nhận định trên, Hội đồng xét xử xác định anh Trần Thiên Ngh và chị Nguyễn Thị H nợ chị Nguyễn Thị Nh số tiền gốc 45.000.000 đồng là có căn cứ pháp luật, cần chấp nhận.

Xét yêu cầu về tiền lãi: Trong giấy mượn tiền và giấy nhận nợ các bên không thỏa thuận về lãi suất nên Hội đồng xét xử căn cứ vào Điều 357 và khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự để tính lãi suất như sau: Từ ngày 21/5/2019 đến ngày 21/10/2020 (ngày xét xử sơ thẩm) là 17 tháng.

45.000.000 đồng x 10%/năm x 17 tháng = 6.375.000 đồng.

Từ những cơ sở trên, Hội đồng xét xử buộc anh Trần Thiên Ngh và chị Nguyễn Thị H phải trả cho chị Nguyễn Thị Nh số tiền gốc và tiền lãi là: 51.375.000 đồng.

[3]. Về án phí dân sự sơ thẩm: Đối với yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị Nh được chấp nhận, nên anh Trần Thiên Ngh và chị Nguyễn Thị H phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 2.568.750 đồng (51.375.000 đồng x 5%).

Chị Nguyễn Thị Nh không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên.

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; Điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 144, Điều 147; điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228, Điều 271, 273 Bộ luật tố tụng dân sự.

Căn cứ các Điều 357, Điều 463, Điều 466, khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015;

Căn cứ điểm b khoản 1 Điều 24, khoản 2 Điều 26 và danh mục án phí của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị Nh (tên gọi khác: Ph).

Buộc anh Trần Thiên Ngh và chị Nguyễn Thị H phải trả cho chị Nguyễn Thị Nh số tiền nợ gốc 45.000.000 đồng và tiền lãi 6.375.000 đồng. Tổng cộng: 51.375.000 đồng *(Năm mươi mốt triệu ba trăm bảy mươi lăm nghìn đồng).*

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm:

Anh Trần Thiên Ngh và chị Nguyễn Thị H phải chịu 2.568.750 đồng *(Hai triệu năm trăm sáu mươi tám nghìn bảy trăm năm mươi đồng)* tiền án phí dân sự sơ thẩm.

Chị Nguyễn Thị Nh không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm. Hoàn trả lại cho chị Nguyễn Thị Nh số tiền 1.344.000 đồng *(Một triệu ba trăm bốn mươi bốn nghìn đồng)* tạm ứng án phí đã nộp, theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Toà án số 0003438 ngày 03/6/2020 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố Kon Tum, tỉnh Kon Tum.

3. Quyền kháng cáo: Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (ngày 21 tháng 10 năm 2020) chị Nguyễn Thị Nh có quyền làm đơn kháng cáo bản án lên Toà án nhân dân tỉnh Kon Tum để yêu cầu xét xử phúc thẩm. Đối với bị đơn vắng mặt, thời hạn kháng cáo là 15 ngày tính từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Trường hợp Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị

cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6,7 và 9 Luật thi hành án dân sự;Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh;
- VKSND TP,
- Thi hành án dân sự TP;
- Nguyên đơn;
- Bị đơn;
- Lưu hồ sơ.

TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Thị Hường